

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa anh C và
chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phấn;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Không Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 4/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Tống Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:* Ông Tống Văn K, sinh năm 1967 và bà Trần Thị L, sinh năm 1970; đều địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 7/7/2020 và lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tổng Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2014. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn hay cãi chửi nhau, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp. Từ tháng 8 năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ không còn hạnh phúc nên nguyện vọng của anh là được xin ly hôn chị Tổng Thị H.

Về con chung: Anh và chị Tổng Thị H có 02 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 9/11/2014 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn anh xin nhận nuôi cả hai con, sau đó anh xin thay đổi là xin nhận nuôi con Th, còn để chị H nuôi con Y; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện con T đang ở với anh, còn con Y đang ở với ông bà ngoại ở xã X.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho chị H, cũng như các Giấy báo và gọi điện trực tiếp cho chị H nhiều lần yêu cầu chị H trình bày quan điểm về yêu cầu ly hôn của anh C. Chị H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình. Chị H có thể hiện quan điểm qua bố mẹ là ông bà Tổng Văn K, Trần Thị L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020, ông K và bà L trình bày:

Gia đình ông bà đã nhận được đơn khởi kiện của anh C, thông báo thụ lý vụ án, các Giấy báo của Tòa án về việc ly hôn giữa anh C và chị H; gia đình đã Thông báo cho chị H biết, chị H thông tin lại do công việc chị H không đến Tòa án để trình bày quan điểm được nhưng đã nói cho gia đình biết về nguyện vọng của mình. Ông bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H kết hôn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/01/2014. Trong quá trình chung sống anh C và chị H có xảy ra mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Khoảng 2 năm nay chị H có về nhà ông bà sinh sống một thời gian sau đó chị H đi Hà Nội làm ăn. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ, nay anh C xin ly hôn chị H nhất trí.

Về con chung: Anh C và chị H có 2 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 9/11/2014 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 12/7/2017. Khi anh C và chị H xảy ra mâu thuẫn, thì cháu Y và cháu T ở một thời gian với gia đình ông bà. Sau đó anh C đã đón hai cháu về nhà ông bà nội ở. Nguyện vọng của chị H là khi Tòa án giải quyết ly hôn thì chị H xin nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nếu không được nuôi cả 02 con thì chị H xin nhận nuôi cháu T, còn để anh C nuôi cháu Y, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X thể hiện:

Anh Nguyễn Văn C và chị Tống Thị H kết hôn hợp pháp, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2014. Sau khi lấy nhau vợ chồng anh C cùng chung sống với bố mẹ anh C là ông K và bà H. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về kinh tế, do chị H làm ăn thua lỗ. Nay anh C có đơn xin ly hôn chị H, thực tế anh C và chị H đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để anh C được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh C và chị H có 02 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 9/11/2014 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 12/7/2017. Hiện cháu Y và cháu T đang ở với anh C và ông bà nội là ông K và bà H. Anh C và chị H cùng có nguyện vọng xin được nhận nuôi cả hai con. Anh Cường không được nuôi cả hai con thì xin nhận nuôi cháu Thành, còn để chị Hạnh nuôi con Yến. Chị Hạnh không được nuôi cả hai con thì xin nhận nuôi con T, còn để anh C nuôi con Y, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ trước đến nay hai con của anh C và chị H đều ở với anh C và ông bà nội, kể cả khi anh C và chị H ly thân. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu cũng như thuận lợi nơi ăn chỗ ở, đề nghị Tòa án giao 2 con cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh C và chị H không có nhà đất ở riêng, không có tài sản chung, không liên quan kinh tế với cơ sở xóm đội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn tiếp tục vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Nội dung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Tống Thị H. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Tiến T, sinh ngày 12/7/2017. Giao cho chị Tống Thị H nuôi con Nguyễn Hải Y, sinh ngày 9/11/2014; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Anh Cường phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn tiếp tục vắng mặt; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Tổng Thị H kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có hạnh phúc do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay anh C xin ly hôn chị H nhất trí. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn C đối với chị Tổng Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh C và chị H có hai con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 9/11/2014 và Nguyễn Tiến T, sinh ngày 12/7/2017. Khi ly hôn anh C xin nhận nuôi con T, còn chị H xin nhận nuôi cả hai con, nếu không được nuôi cả hai con thì xin nhận nuôi con T, còn con Y để anh C nuôi, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Để con chung được phát triển tốt về thể chất và tinh thần, xét thấy chị Hạnh xin nhận nuôi cả hai con là không phù hợp, trong khi đó anh C xin nhận nuôi con T, còn con Y để chị H nuôi. Để thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cũng như ổn định nơi ăn chỗ ở, hiện con Y đang ở với bố mẹ đẻ của chị H, còn con T đang ở với anh C nên HĐXX sẽ giao cho anh C nuôi con T, giao con Y cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp, bởi con Y là con gái dù sao sau này lớn lên vẫn thuận lợi hơn. Anh C và chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Tổng Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Tiến T, sinh ngày 12/7/2017. Giao cho chị Tổng Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Hải Y, sinh ngày 9/11/2014; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung do mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001786 ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Nam Định; anh Nguyễn Văn Cường đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Tổng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

